

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU  
VỰC 8 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ – ST  
Ngày: 16/9/2025  
V/v “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cung Trần Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lương Thị Nhiều

2. Ông Nguyễn Công Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mua Mí Chữ – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Viết Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2025/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1993, CCCD số: 002193010038, cấp ngày: 05/10/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH, địa chỉ: thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1992, CCCD số: 002092011280, cấp ngày: 15/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH, địa chỉ thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:*

Chị và anh Hoàng Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T

uống rượu về đánh đập chị. Đến năm 2017 vợ chồng chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, quá trình ly thân vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Hoàng Thị Hồng S1, sinh ngày 26/10/2012. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị, sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị khẳng định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Ngọc T trình bày:*

Anh và chị S đăng kí kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng bình thường, sau đó chị S thường xuyên đi học và đi làm đến năm 2017 thì chị S về nhà thu dọn đồ đạc bỏ đi anh không biết nguyên nhân lí do vì sao. Năm 2023 thì chị S đến đón con ra ở cùng chị S từ đó đến nay. Từ ngày chị S bỏ đi đến nay đã hơn 07 năm, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị S đề nghị ly hôn anh nhất trí, tuy nhiên anh muốn chị S về nhà để thống nhất việc chia tài sản vợ chồng.

Về con chung vợ chồng anh có một con chung là cháu Hoàng Thị Hồng S1, sinh ngày 26/10/2012, sau khi vợ chồng anh ly hôn cháu S1 muốn ở với ai thì tùy theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh khẳng định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng Thị Hồng S1 trình bày:*

Cháu là con của bố T và mẹ S, hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ tại xã M, tỉnh Tuyên Quang, cháu đang học lớp 8A4 trường Trung học cơ sở xã M, việc bố mẹ mâu thuẫn cháu không biết, khi ra ở với mẹ thỉnh thoảng bố có đến thăm cháu nhưng bố mẹ không nói chuyện với nhau. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu vẫn muốn tiếp tục được ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Ngọc T, do vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đến nay chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục; về con chung theo như nguyện vọng của con là được ở với mẹ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ chung chị khẳng định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

*Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định tại BLTTDS.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để làm việc. Do vậy gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Xét thấy việc chị Hoàng Thị S có đơn xin ly hôn với anh Hoàng Ngọc T là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T uống rượu đánh đập chị S. Như vậy, theo đơn khởi kiện cùng những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng anh T chị S có một con chung là cháu Hoàng Thị Hồng S1, sinh ngày 26/10/2012. Theo nguyện vọng của cháu S1 cũng như yêu cầu của chị S nên giao việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu S1 giao cho chị S là phù hợp

Về tài sản chung: vợ chồng chị đều khẳng định việc vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, nên không đưa ra xem xét.

Về công nợ chung: không có không đề nghị giải quyết.

Án phí: Căn cứ vào Điều 147 của BLTTDS 2015, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền của Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Hoàng Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa, anh Hoàng Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Ngọc T có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy chị S và anh T bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2014 đến năm 2017 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân với nhau nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T uống rượu về là đánh chị S. Sau khi ly thân vợ chồng không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không thể ngồi với nhau để nói chuyện. Qua đó cho thấy chị S, anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tỉnh Tuyên Quang, cho chị S được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị S anh T có một con chung là cháu Hoàng Thị Hồng S1, sinh ngày 26/10/2012. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị Hoàng Thị S, theo nguyện vọng của cháu S1 sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn tiếp tục được sống cùng với mẹ, hơn nữa chị S hiện tại có công việc, thu nhập ổn định. Xét thấy, việc giao cháu Hoàng Thị Hồng S1 cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng với nguyện vọng của cháu cũng như môi trường sống, học tập của cháu đang ổn định.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị S không đề nghị nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị S khẳng định tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T và Chị S đều khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S đối với anh Hoàng Ngọc T. Cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Hoàng Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hồng S1, sinh ngày 26/10/2012 cho chị Hoàng Thị S là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Hoàng Ngọc T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí HNGĐ-ST số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0003779 ngày 23/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2025). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THA DS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THA DS khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Vĩ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Cung Trần Lương**